

Thứ sáu, ngày 3 tháng 7 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên tăng điểm nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 06/07/2020	•		
Tuần 6/7-10/7/2020	•		
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường phiên cuối tuần mở cửa với sắc xanh và duy trì trạng thái này đến cuối phiên chiều. Tuy vậy, VNIndex cũng chỉ dao động trong biên độ hẹp và chưa thể có sự bứt phá. Dòng tiền đầu tư được cải thiện so với phiên hôm qua khi có 12/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại có phiên mua ròng mạnh trên sàn HSX nhưng vẫn bán ròng trên sàn HNX. Thanh khoản thị trường tiếp tục giảm, độ rộng thị trường ở trạng thái tích cực cho thấy sự lạc quan vào cuối tuần giao dịch. VN-Index nhiều khả năng sẽ vận động tại khu vực 840-860 điểm trong các phiên giao dịch tới.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2008, các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 740 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 3/7/2020, phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng nhẹ.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Top 10 cổ phiếu VN30_1.4%

Phân tích kỹ thuật: PLC_Tăng giá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index +5.23 điểm, đóng cửa 847.61. HNX-Index -0.06 điểm, đóng cửa 111.55.
- Kéo chỉ số tăng: SAB (+1.54); VHM (+0.86); VNM (+0.54); VCB (+0.42); HDB (+0.38).
- Kéo chỉ số giảm: GAS (-0.11); VPB (-0.1); BVH (-0.08); HPG (-0.08); DBC (-0.06).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 2,868 tỷ đồng, -1.8% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 4.91 điểm. Thị trường có 197 mã tăng, 68 mã tham chiếu và 167 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 158.4 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm PLX (136.1 tỷ), VHM (35.6 tỷ) và HPG (35.3 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -2.23 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX 847.61

Giá trị: 2868.09 tỷ 5.23 (0.62%)

Khối ngoại (ròng): 158.6 tỷ

HNX-INDEX 111.55

Giá trị: 623.32 tỷ -0.06 (-0.05%)

Khối ngoại (ròng): -2.23 tỷ

UPCOM-INDEX 56.26

Giá trị: 0.33 tỷ 0.37 (0.66%)

Khối ngoại (ròng): -1.92 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	40.1	-1.30%
Giá vàng	1,775	0.01%
Tỷ giá USD/VND	23,201	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	26,067	-0.14%
Tỷ giá JPY/VND	21,590	0.02%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	11.25%
LS TPCP 5 năm	2.0%	1.20%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PLX	136.2	E1VFN3	14.6
VHM	35.6	CTD	13.4
HPG	35.3	PVT	13.0
VRE	23.6	POW	12.3
VNM	11.8	BID	9.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Câu chuyện cuối tuần	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review
3/7/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Top 10 cổ phiếu VN30_1.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	8/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Top 10 cổ phiếu VN30	1.4%	-0.7%	3.0%	3.0%	3.0%	-15.4%	16.8%
Nước & Năng lượng	1.0%	-0.4%	2.7%	2.7%	2.7%	-8.1%	16.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.0%	0.0%	1.9%	1.9%	1.9%	6.4%	15.8%
Vật liệu Xây dựng	0.8%	1.7%	4.4%	4.4%	4.4%	2.3%	20.8%
FTSE Việt Nam	0.7%	0.2%	2.2%	2.2%	2.2%	-8.8%	17.1%
BDS & Khu công nghiệp	0.7%	-0.6%	2.2%	2.2%	2.2%	-7.5%	17.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.7%	0.2%	2.9%	2.9%	2.9%	-10.1%	16.1%
Ngành Dược	0.6%	0.0%	1.8%	1.8%	1.8%	-6.8%	18.3%
Xây dựng	Ngày	0.9%	5.0%	5.0%	5.0%	-2.8%	19.5%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.5%	-0.6%	2.4%	2.4%	2.4%	-10.2%	18.1%
Đầu tư công	0.5%	-1.0%	3.2%	3.2%	3.2%	-2.7%	20.3%
Dầu khí	0.5%	-2.5%	1.6%	1.6%	1.6%	-22.4%	25.2%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.4%	-1.6%	2.8%	2.8%	2.8%	-8.6%	21.3%
VN FinSelect	0.4%	-1.6%	2.5%	2.5%	2.5%	-8.1%	19.9%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.3%	-1.6%	2.3%	2.3%	2.3%	-12.7%	19.6%
VN Diamond	0.2%	-1.5%	2.3%	2.3%	2.3%	-14.8%	19.8%
Ngân Hàng	0.0%	-1.7%	2.4%	2.4%	2.4%	-6.5%	23.2%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.0%	-1.8%	2.2%	2.2%	2.2%	-13.9%	21.6%
Corona Avengers	-0.1%	-1.7%	1.8%	1.8%	1.8%	-3.0%	22.1%
Chiến tranh thương mại	-0.2%	-1.4%	1.8%	1.8%	1.8%	-10.5%	18.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.3%	-1.3%	2.6%	2.6%	2.6%	-3.4%	22.3%
Lãi suất giảm	-0.4%	1.5%	5.4%	5.4%	5.4%	2.2%	19.7%
Bất động sản Khu công nghiệp	-0.4%	0.3%	4.7%	4.7%	4.7%	5.5%	
Hàng tiêu dùng	-1.1%	1.7%	4.7%	4.7%	4.7%	0.8%	20.0%
Stay-at-home	-1.3%	1.8%	4.0%	4.0%	4.0%	8.8%	17.9%
Mục tiêu	2/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L22	1.1%	-0.9%	2.5%	2.5%	2.5%	-7.9%	20.1%
L11	0.9%	-0.2%	2.4%	2.4%	2.4%	-8.0%	17.8%
M22	0.5%	-0.5%	2.1%	2.1%	2.1%	-3.5%	19.0%
S21	0.4%	-2.1%	1.9%	1.9%	1.9%	-10.4%	20.1%
M31	0.3%	-1.1%	2.0%	2.0%	2.0%	-9.5%	21.4%
M12	0.3%	-1.2%	1.7%	1.7%	1.7%	-8.4%	20.0%
S11	0.2%	0.7%	2.2%	2.2%	2.2%	0.2%	18.9%
S32	0.1%	-1.6%	2.3%	2.3%	2.3%	-16.6%	22.6%
L32	0.1%	-1.4%	2.7%	2.7%	2.7%	-9.3%	
Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	0.7%	-0.9%	1.9%	1.9%	1.9%	-6.3%	17.3%
MID1	0.3%	1.4%	4.6%	4.6%	4.6%	5.0%	17.6%
HIGH3	0.1%	-0.2%	2.8%	2.8%	2.8%	-2.1%	19.4%
INDEX							
VNINDEX	0.6%	-0.5%	2.7%	2.7%	2.7%	-11.8%	17.0%
VN30INDEX	0.5%	-0.7%	2.5%	2.5%	2.5%	-10.1%	17.6%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	8	17	11	14	10	15
Mục tiêu	9	2	7	3	6	0	9
Rủi ro	3	1	2	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

PLC_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở dưới EMA26.

Nhận định: PLC đã có sự điều chỉnh ngắn hạn về ngưỡng 14.5 trong thời gian vừa qua nhưng hiện đang đảo chiều để tiếp tục đà hồi phục từ đầu tháng 4. Thanh khoản cổ phiếu trong phiên hôm nay tăng mạnh so với các phiên trước đó đã đưa giá cổ phiếu tăng ấn tượng 7.19%. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đa số đang ủng hộ cho trạng thái tích cực của PLC. Chỉ báo động lượng RSI đang tăng dần và còn cách khá xa vùng quá mua nên đà tăng có thể vẫn được duy trì trong những phiên tới. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của PLC nằm tại mốc 15.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại khu vực 18-18.5, cắt lỗ nếu ngưỡng 14.5 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

BSC dự báo PLC sẽ ghi nhận DTT và LNST lần lượt ở mức 5,774 tỷ VND (-6.3% yoy) và 128 tỷ VND (-11.4% yoy) trong năm 2020.

Catalyst

Thúc đẩy đầu tư công giúp tăng trưởng mảng nhựa đường.

Rủi ro Đầu tư

- Biến động giá dầu.
- Tiến độ giải ngân đầu tư công.
- Cạnh tranh gay gắt trong mảng dầu máy nhờn.

Cập nhật KQKD

KQKD Q1/2020. DTT đạt mức 1,381 tỷ VND (-16% yoy), LNST giảm mạnh xuống mức 24 tỷ VND (-50% yoy).

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: **Express PLC 2020Q2**

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_Tín hiệu tích cực	Link
PC1_Tăng giá	Link
CTI_Xu hướng tăng	Link
VNM_Hưng phấn	Link
GVR_Tín hiệu tích cực	Link

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 3/7

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	40.43	-0.54%	5.00%	7.60%	-27.18%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	42.93	-0.49%	4.90%	7.40%	-32.40%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	124.95	-0.77%	8.00%	10.20%	-29.09%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1776.31	0.05%	0.30%	4.50%	24.52%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.03	0.43%	1.30%	2.20%	12.94%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	896.75	-0.25%	3.30%	4.20%	-4.98%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	Ngày 04/07/2020	492.00	-1.35%	0.80%	-4.00%	-10.71%		AFX
Sữa	USD /cwt	22.97	0.53%	9.70%	25.80%	34.72%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	144.65	0.15%	-0.10%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.24	0.58%	2.70%	8.30%	-11.24%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	103.20	-0.77%	7.70%	3.50%	-18.42%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6073.00	0.20%	3.10%	9.80%	2.58%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	510.32	1.05%	-0.10%	1.60%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1621.00	0.00%	3.20%	4.80%	-10.29%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	104.94	0.01%	-2.90%	-1.10%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	55.80	2.76%	2.40%	-2.80%	-31.45%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 9/2020 tăng 1.11 USD tương đương 2.6% lên 43.14 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 83 US cent tương đương 2.1% lên 40.65 USD/thùng.
- Giá dầu tăng hơn 2%, được hỗ trợ bởi số liệu thất nghiệp và tồn trữ dầu thô của Mỹ giảm 7.2 triệu thùng từ mức cao kỷ lục trong tuần trước, giảm mạnh hơn so với dự kiến, Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ cho biết. Trong khi đó, các công ty năng lượng Mỹ cắt giảm số lượng các giàn khoan dầu và khí tự nhiên xuống mức thấp kỷ lục tuần thứ 9 liên tiếp, Baker Hughes Co cho biết.
- Tuy nhiên giá dầu tăng bị hạn chế khi số trường hợp nhiễm Covid-19 mới tại Mỹ trong ngày 1/7/2020 tăng gần 50,000 – ngày tăng mạnh nhất kể từ khi bắt đầu dịch.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.4% lên 1,777.04 USD/ounce, gần mức cao nhất 8 năm (1,788.96 USD/ounce) trong phiên trước đó. Vàng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn New York tăng 0.6% lên 1,790 USD/ounce. Giá vàng tăng do đồng USD giảm nhẹ và giảm xuống mức thấp nhất 1 tuần so với giờ tiền tệ chủ chốt trong đầu phiên giao dịch, song vẫn thấp hơn mức cao nhất 8 năm trong phiên trước đó, do triển vọng kinh tế hồi phục được cải thiện sau số liệu cho thấy rằng số liệu việc làm trong tháng 6/2020 đạt mức cao kỷ lục. Bảng lương phi nông nghiệp của Mỹ trong tháng 6/2020 tăng 4.8 triệu việc làm - cao nhất kể từ năm 1939.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Đại Liên giảm 0.4% xuống 739 CNY/tấn. Giá thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 0.3% lên 3,573 CNY (505.89 USD)/tấn và giá thép cuộn cán nóng giảm 0.2% xuống 3,563 CNY/tấn. Giá thép cây tại Thượng Hải rời khỏi chuỗi giảm 3 phiên liên tiếp, do sự hỗ trợ tài chính của chính phủ làm đẩy lên kỳ vọng nhu cầu tăng, song lĩnh vực này đang trong mùa thấp điểm.
- Bộ Tài chính Trung Quốc đang có kế hoạch bán thêm trái phiếu kho bạc đặc biệt để hỗ trợ các cơ sở hạ tầng liên quan đến y tế công cộng và hỗ trợ nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi virus corona, một phần trong đề xuất phát hành 1 nghìn tỉ CNY trái phiếu trong năm nay.

Giá cao su

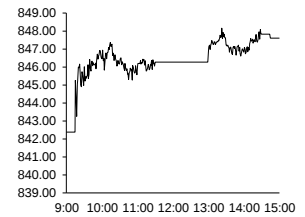
- Giá cao su kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn TOCOM tăng 1 JPY tương đương 0.7% lên 155.4 JPY/kg. Giá cao su tại Tokyo tăng do lạc quan xung quanh sự phục hồi kinh tế toàn cầu nhanh hơn, được thúc đẩy bởi số liệu kinh tế tích cực và sự phát triển đầy hứa hẹn từ thuốc thử nghiệm Covid-19. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 165 CNY tương đương 1.6% lên 10,375 CNY/tấn.
- Hoạt động nhà máy tại Trung Quốc – nước tiêu thụ cao su lớn nhất thế giới – tăng mạnh trong tháng 6/2020, sau khi chính phủ dỡ bỏ các hạn chế song khủng hoảng sức khỏe vẫn tiếp diễn ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu và việc làm.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn ICE tăng 0.07 US cent tương đương 0.6% lên 12.24 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 6 USD tương đương 1.7% lên 350.3 USD/tấn.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 giảm 0.8 US cent tương đương 0.8% xuống 1.032 USD/lb, sau khi có chuỗi tăng 4 phiên liên tiếp đẩy giá cà phê lên mức cao nhất trong hơn 1 tháng. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 9 giảm 2 USD tương đương 0.2% xuống 1,202 USD/tấn.
- Tại Thái Lan, giá gạo 5% tấm giảm xuống 480-515 USD/tấn – thấp nhất kể từ cuối tháng 5/2020, giảm so với 514-520 USD/tấn tuần trước đó, do đồng baht suy yếu. Đối với loại 5% tấm, giá gạo Việt Nam tăng lên 415-450 USD/tấn so với 405-450 USD/tấn tuần trước đó. Tại Ấn Độ, gạo 5% tấm không thay đổi ở mức 373-378 USD/tấn.

Hình 1

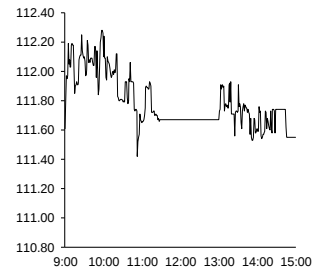
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

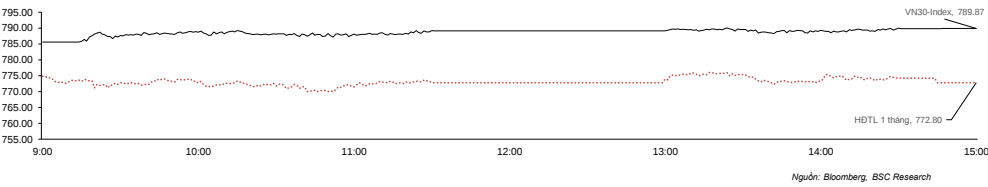
Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bán lẻ	-0.70%
Bảo hiểm	-0.62%
Truyền thông	-0.46%
Tài nguyên Cơ bản	-0.22%
Công nghệ Thông tin	-0.06%
Dịch vụ tài chính	-0.04%
Viễn thông	0.00%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.06%
Xây dựng và Vật liệu	0.07%
Ngân hàng	0.28%
Du lịch và Giải trí	0.42%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.55%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.59%
Hóa chất	0.73%
Dầu khí	0.85%
Bất động sản	0.88%
Y tế	0.99%
Thực phẩm và đồ uống	1.46%
Ô tô và phụ tùng	1.49%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2007	772.80	-0.03%	-17.07	-23.7%	167,568	7/16/2020	13
VN30F2008	763.70	0.03%	-26.17	-50.8%	389	8/20/2020	48
VN30F2009	757.40	-0.03%	-32.47	-53.0%	55	9/17/2020	76
VN30F2012	754.70	-0.16%	-35.17	-69.6%	63	12/17/2020	167

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng 4.28 điểm, lên mức 789.87 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HDB, VNM, SAB, NVL và VHM tác động mạnh đến vận động tích lũy của VN30. Trong phiên sáng, VN30 vận động tăng tích cực lên quanh 790 điểm trong phiên sáng, sau đó giành phần lớn thời gian giao dịch trong phiên chiều tích lũy quanh vùng này trong phiên chiều. Thanh khoản giảm, VN30 có thể vận động tích lũy quanh 780-800 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Ngoại trừ VN30F2008, các HĐTL đều giảm trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2007 và VN30F2012 đang tăng, trong khi VN30F2008 và VN30F2009 đang giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm kéo dài. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 740 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CHDB2003	KIS	12/16/2020	166	2:1	66,970	-71.6%	2.0 triệu	39.76%	2,700	1,140	18.75%	537	2.12
CMBB2006	HSC	10/29/2020	118	2:1	144,240	471.9%	5.0 triệu	34.32%	1,100	1,250	11.61%	805	1.55
CVHM2003	HSC	10/29/2020	118	10:1	132,400	636.0%	5.0 triệu	37.10%	1,000	1,420	7.58%	1,158	1.23
CVHM2002	SSI	11/30/2020	150	1:1	18,790	46.8%	1.5 triệu	37.10%	11,500	10,890	4.21%	8,457	1.29
CVNM2003	MBS	9/4/2020	63	10:1	145,310	49.1%	3.0 triệu	31.46%	1,450	2,440	3.39%	2,122	1.15
CDPM2002	KIS	12/16/2020	166	1:1	52,170	1.6%	2.0 triệu	41.20%	1,700	2,320	3.11%	1,345	1.72
CSTB2004	SSI	11/30/2020	150	1:1	67,280	40.4%	5.0 triệu	41.21%	1,400	1,510	1.34%	1,254	1.20
CHPG2005	VND	10/1/2020	90	1:1	51,140	140.7%	2.0 triệu	36.44%	2,100	8,390	1.08%	8,747	0.96
CVNM2004	SSI	11/30/2020	150	1:1	32,600	83.5%	2.0 triệu	31.46%	17,500	14,570	1.04%	8,443	1.73
CHPG2002	KIS	12/16/2020	166	10:1	53,690	-46.9%	3.0 triệu	36.44%	1,700	1,710	0.59%	974	1.76
CFPT2003	SSI	11/9/2020	129	1:1	21,520	-25.8%	2.0 triệu	32.15%	7,300	8,510	0.00%	2,357	3.61
CFPT2004	SSI	8/10/2020	38	1:1	22,170	-14.3%	2.0 triệu	32.15%	5,100	5,710	0.00%	706	8.09
CHPG2008	SSI	8/10/2020	150	1:1	24,740	-6.7%	5.0 triệu	36.44%	4,100	3,470	-0.29%	2,576	1.35
CHPG2007	KIS	7/16/2020	13	1:1	106,700	2.1%	2.5 triệu	36.44%	1,660	4,570	-0.44%	4,542	1.01
CMWG2007	SSI	11/30/2020	150	1:1	28,080	60.5%	2.0 triệu	39.73%	12,900	8,580	-1.15%	6,775	1.27
CHPG2009	HSC	10/29/2020	118	2:1	82,730	2.9%	5.0 triệu	36.44%	1,600	3,180	-1.85%	2,867	1.11
CSTB2003	KIS	9/16/2020	75	1:1	78,460	-41.7%	3.0 triệu	41.21%	1,360	1,420	-2.74%	817	1.74
CMWG2005	VND	10/1/2020	90	2:1	43,440	-10.5%	1.0 triệu	39.73%	2,500	3,680	-5.40%	1,569	2.35
CVPB2005	MBS	8/18/2020	46	2:1	60,120	-43.6%	2.0 triệu	44.71%	1,510	1,370	-8.67%	1,232	1.11
CCTD2001	KIS	12/16/2020	166	10:1	126,290	-12.3%	1.0 triệu	55.11%	1,540	2,120	-10.55%	1,210	1.75
Tổng:					1,291,870		54.00 triệu	38.03%**					

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi

Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 3/7/2020, phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng, trong khi chứng quyền có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng nhẹ.

• Về giá, CNVL2002 và CHDB2006 tăng mạnh lần lượt là 36.89% và 18.75%. Trái lại, CCTD2001 giảm mạnh -10.55%. Giá trị giao dịch tăng 5.13%. CHPG2007 tiếp tục có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.70% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HPG, TCB, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVNM2003 và CMWG2006 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh

vinhtr@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HDB	26.00	5.26	1.15
VNM	114.10	0.97	0.81
SAB	175.00	4.85	0.75
NVL	62.40	1.96	0.53
VHM	77.80	1.17	0.46

Source: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	21.3	-0.70	-0.34
HPG	27.5	-0.36	-0.22
STB	11.0	-0.45	-0.12
MWG	81.7	-0.12	-0.04
BVH	46.5	-0.85	-0.04

Source: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHDB2003	37,523	32,123	26,000
CMBB2006	18,700	16,500	16,850
CVHM2003	80,000	70,000	77,800
CVHM2002	88,500	77,000	77,800
CVNM2003	107,094	92,780	114,100
CDPM2002	16,952	15,252	14,350
CSTB2004	12,400	11,000	11,000
CHPG2005	21,100	19,000	27,500
CVNM2004	133,747	116,473	114,100
CHPG2002	33,399	29,999	27,500
CFPT2003	57,300	50,000	46,250
CFPT2004	55,100	50,000	46,250
CHPG2008	32,100	28,000	27,500
CHPG2007	24,659	22,999	27,500
CMWG2007	99,900	87,000	81,700
CHPG2009	25,700	22,500	27,500
CSTB2003	12,471	11,111	11,000
CMWG2005	97,000	92,000	81,700
CVPB2005	22,520	19,500	21,300
CCTD2001	96,288	80,888	79,900

Source: Bloomberg, BSC Research

CÁ KIẾM VÀ MÈO

Nguồn: Sưu tầm

Cá kiếm có bộ răng rất chắc và sắc. Vào một ngày nọ, nó bỗng giở chứng, đòi hỏi “tuyệt kỹ” của mèo là bắt chuột.

Mèo ngạc nhiên hỏi:

- Cái gì? Ôi, bạn thân mến của tôi, anh có thể làm được việc đó sao?
- Bắt chuột thì có gì ghê gớm. Ngoài biển tôi chả bắt cá lô suốt ngày sao?
- Thôi được, anh đừng quên là tôi đã cảnh cáo anh rồi đấy. Nói rồi mèo và cá kiếm mò vào kho và mai phục.

Chỉ một lúc sau mèo đã bắt được chuột. Sau khi chơi đùa thoả thích rồi ăn một bữa no nê, mèo ta mới nhớ đến cậu bạn cá kiếm của mình. Khốn khổ thay, lúc đó cá kiếm đã bị chuột gặm hết cả đuôi, chỉ còn thớ thoi thóp. Thấy vậy, mèo bèn đỡ cá kiếm dậy, thả nó trở lại biển khơi.

Ngày 04/07/2020

Mọi người thường nói, người ngoài thì đừng có nói đến chuyện trong nghề. Trong kinh doanh chứng khoán, chắc chắn một nhà đầu tư riêng lẻ sẽ không có đủ nguồn lực để nắm bắt mọi thông tin thị trường, doanh nghiệp tốt bằng một công ty chứng khoán. Vì vậy, tham khảo những danh mục đầu tư mà công ty chứng khoán khuyến nghị, là lời khuyên đầu tiên của chúng tôi dành cho bạn.

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	81.7	-0.1%	1.2	1,608	1.3	8,808	9.3	2.8	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	58.6	-0.2%	1.3	574	0.6	5,248	11.2	2.6	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	46.5	-0.9%	1.3	1,501	0.7	1,307	35.6	1.8	28.3%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.0	0.0%	0.4	292	0.0	2,056	14.6	1.0	54.4%	6.8%
VIC	Bất động sản	90.2	0.3%	0.8	13,265	0.6	2,095	43.1	3.8	13.9%	10.6%
VRE	Bất động sản	26.5	1.1%	1.1	2,618	2.7	1,226	21.6	2.2	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	62.4	2.0%	0.8	2,630	3.2	3,584	17.4	2.7	6.1%	16.3%
REE	Bất động sản	31.8	2.6%	0.8	428	0.4	4,976	6.4	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.5	0.4%	1.3	259	1.1	2,289	5.0	0.9	41.1%	15.9%
SSI	Chứng khoán	15.2	0.0%	1.3	396	1.5	1,415	10.7	0.9	50.1%	7.8%
VCI	Chứng khoán	22.4	0.7%	1.0	160	0.4	4,240	5.3	0.9	27.8%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.0	-0.3%	1.8	252	1.1	1,480	12.8	1.3	52.2%	12.0%
FPT	Công nghệ	46.3	0.2%	0.8	1,576	1.1	4,804	9.6	2.1	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	ngày 04/07/2020	0.4%	0.4	535	0.0	4,812	10.3	2.6	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	70.3	-0.3%	1.5	5,850	1.0	5,820	12.1	2.6	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	46.0	1.0%	1.5	2,379	1.2	869	52.9	2.9	13.8%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.1	0.0%	1.6	251	0.8	1,238	9.8	0.5	11.7%	4.8%
BSR	Dầu khí	6.9	-1.4%	0.8	930	0.3	898	7.7	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	92.0	1.1%	0.5	523	0.0	5,046	18.2	3.4	54.5%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.4	0.3%	0.4	244	0.8	1,006	14.3	0.7	11.4%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.7	-0.7%	0.4	199	0.5	415	20.8	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	83.0	0.5%	1.2	13,384	1.3	4,848	17.1	3.6	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	39.1	0.3%	1.4	6,837	0.9	2,140	18.3	2.1	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	22.3	0.0%	1.2	3,610	2.1	2,510	8.9	1.1	29.9%	12.6%
VPB	Ngân hàng	21.3	-0.7%	1.2	2,258	0.9	3,750	5.7	1.2	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	16.9	0.0%	1.0	1,767	0.9	3,398	5.0	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	23.0	-0.4%	0.9	1,663	1.3	3,780	6.1	1.3	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	56.0	3.3%	0.9	199	0.7	5,303		1.8	81.4%	17.0%
NTP	Nhựa	32.3	-1.2%	0.4	165	0.0	4,208	7.7	1.2	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.0	-2.0%	0.4	645	0.0	356	42.1	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	27.5	-0.4%	1.1	3,301	9.7	2,764	10.0	1.5	36.1%	17.4%
HSG	Thép	11.9	0.9%	1.5	229	5.0	1,493	7.9	0.9	12.1%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	114.1	1.0%	0.7	8,639	3.6	5,453	20.9	6.6	58.7%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	175.0	4.9%	0.8	4,879	1.5	6,719	26.0	6.5	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	57.2	0.0%	1.0	2,907	1.7	3,961	14.4	1.6	38.9%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.1	0.7%	0.7	358	1.5	171	82.3	1.1	5.6%	1.5%
ACV	Vận tải	59.1	0.3%	0.8	5,594	0.2	3,450	17.1	3.5	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	108.0	0.1%	1.1	2,460	1.3	7,110	15.2	3.8	18.2%	26.3%
HVN	Vận tải	25.9	1.2%	1.7	1,597	0.2	1,654	15.7	2.0	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	18.9	0.0%	0.9	244	0.1	1,583	11.9	0.9	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.4	-1.4%	1.1	127	0.8	2,117	4.9	0.6	25.0%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	62.4	0.6%	0.9	421	0.2	9,201		2.9	2.8%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.5	-1.9%	0.7	400	1.3	1,453	14.1	1.4	10.0%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.6	0.4%	1.0	225	0.0	1,938	7.0	0.9	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	79.9	0.4%	1.0	265	8.4	8,032	9.9	0.7	46.2%	7.3%
VCG	Xây dựng	27.4	-0.4%	0.3	526	0.0	1,498	18.3	1.8	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	18.5	1.9%	0.3	192	0.8	1,775	10.4	0.9	38.7%	8.5%
POW	Điện	9.7	0.6%	0.6	985	0.9	1,028	9.4	0.8	11.6%	9.4%
NT2	Điện	22.1	1.4%	0.5	276	0.3	2,543	8.7	1.5	18.0%	18.1%

Thông kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	175.00	4.85	1.48	200340.00
VHM	77.80	1.17	0.86	1.38MLN
VNM	114.10	0.97	0.55	729290.00
VCB	83.00	0.48	0.42	370340.00
HDB	26.00	5.26	0.36	1.70MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	Ngày 04/07/20	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-0.11	310040.00	1.11MLN
VPB	0.00	-0.11	938470.00	607060.00
BVH	0.00	-0.09	323340.00	373600.00
HPG	0.00	-0.08	8.11MLN	192700.00
DBC	0.00	-0.06	2.34MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TIX	29.85	6.99	0.02	330.00
VPD	14.55	6.99	0.03	6880.00
PET	9.19	6.98	0.02	1.68MLN
CCL	7.26	6.92	0.01	867560.00
PXT	1.70	6.92	0.00	151430.00

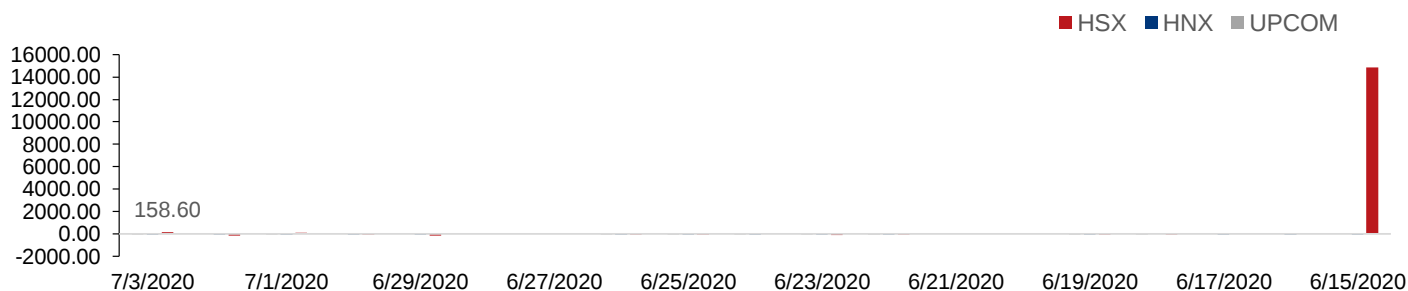
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VAF	9.06	-6.98	-0.01	20.00
CCI	12.75	-6.93	-0.01	250.00
BTT	37.05	-6.91	-0.01	800.00
DAH	15.65	-6.85	-0.01	16990.00
SGR	15.75	-6.80	-0.02	840.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

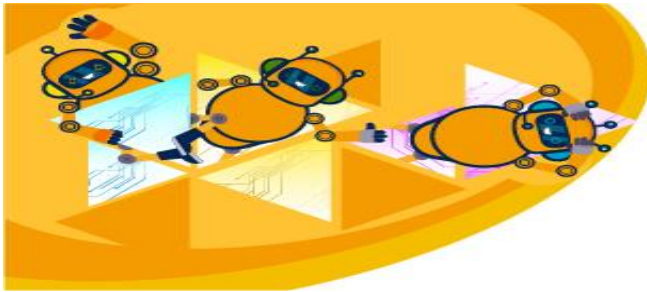
Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
8	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
12	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
13	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại		P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	57.2	3,961	14.4	1.6	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	40.8	4,717	8.7	1.5	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.9	1,493	7.9	0.9	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	44.0	5,479	8.0	2.2	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	19.4	1,140	17.0	1.6	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	27.5	2,764	10.0	1.5	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	19.8	2,987	6.6	1.1	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	58.6	5,248	11.2	2.6	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	137.5	5,718	24.0	8.5	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	11.5	2,289	5.0	0.9	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	16.4	1,496	11.0	1.0	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	19.4	7,637	2.5	0.9	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.2	5,311	4.0	1.0	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	41.9		9.4	1.8	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	83.0	4,848	17.1	3.6	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	23.0	3,780	6.1	1.3	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	36.2	6,553	5.5	1.3	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	52.6	3,887	13.5	2.7	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	46.3	4,804	9.6	2.1	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	18.9	1,583	11.9	0.9	Click

9



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gói báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express CTD 2020Q3	7/1/2020	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 100835; Giá tại Publish 74400 Dự báo KQKD: BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp - PB fw= 0.63x.
Express C4G 2020Q2	6/29/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7200 Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: Kế hoạch DT và LNST lần lượt 3,050 tỷ (+30% YoY) và 200 tỷ (+116% YoY), tổng sản lượng là 3,000 tỷ đồng. C4G chia cổ tức năm 2020 là 15%. Cập nhật KQKD: Lũy kế tới tháng 6, tổng dự án đang có của C4G đạt 5,200 tỷ đồng bao gồm cả ký mới trong 2020, trong đó một số dự án trọng điểm triển khai trong năm nay bao gồm: Đường Vành đai phía Tây 2 TP Đà Nẵng – Gói thầu 06OFID.EX, Cao tốc Bắc nam đoạn Cam Lộ - La Sơn – Gói thầu số 9, Hầm chui Nguyễn Bỉnh Khiêm – Gói thầu số 1 và Cải tạo nút giao thông phía tây cầu Trần Thị Lý.
Express KBC 2020Q2	6/29/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2020, KBC đặt ra 2 kịch bản (1) Phương án khả quan: tổng doanh thu 3,200 tỷ đồng (tương đương 2019), lợi nhuận sau thuế 816 tỷ đồng (-21% yoy) (2) Phương án tích cực: doanh thu dự kiến 3,600 tỷ đồng (+12% yoy), lợi nhuận sau thuế 1,000 tỷ đồng (-4% yoy). Nguồn vốn: tập đoàn dự kiến vay tín dụng hoặc phát hành trái phiếu khoảng 1,500 – 2,000 tỷ đồng để đầu tư các dự án cũ, mới và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
Express SJS 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 22000 Catalyst: Tổng Công ty Sông Đà có kế hoạch thoái toàn bộ vốn tại SJS. Công ty cho biết hiện đang triển khai rất tích cực, tuy nhiên tại ĐHCĐ không chia sẻ thêm thông tin chi tiết. Theo như chia sẻ trong lần gặp trước đây thì thời điểm dự kiến hoàn tất thoái vốn là Q2/2020.
Express HT1 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 13450; Giá tại Publish 13700 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của HT1 đạt 8,387 tỷ đồng (-5.1% yoy) với giá định sản lượng xi măng tiêu thụ đạt 7 triệu tấn (-3% yoy), giá bán bình quân giảm 2% yoy. Giá định giá than giảm 7% yoy, điện (-1% yoy do chính sách hỗ trợ giá điện từ Chính phủ trong Q2/2020), giá các nguyên vật liệu khác giữ nguyên, biên LNG được dự báo giảm từ 17.7% về 16.9%. LNST đạt 692 tỷ (-6.5% yoy), tương đương với EPS = 1,632 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 10%).



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn